

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 493/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH/PROGRAMME:	<b>CỬ NHÂN KINH DOANH NÔNG NGHIỆP /BACHELOR OF AGRICULTURAL BUSINESS</b>
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO/LEVEL OF EDUCATION:	ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO/MAJOR:	<b>KINH DOANH NÔNG NGHIỆP</b> AGRICULTURAL BUSINESS
MÃ NGÀNH/CODE:	<b>52620114</b>
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO /TYPE OF EDUCATION:	CHÍNH QUY/FULL - TIME
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO /LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO/DURATION TIME	4 NĂM/ 4 YEARS

### 1. MỤC TIÊU

#### 1.1. Mục tiêu chung:

Cử nhân Kinh doanh Nông nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp cần thiết, được trang bị các kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh, kế toán, tài chính, marketing và kiến thức chuyên sâu về quản lý sản xuất, nhân sự, marketing và tài chính để giải quyết các tình huống cụ thể trong các cơ sở sản xuất Kinh doanh nông nghiệp. Được trang bị những kiến thức hiện đại liên quan đến sản xuất và phân phối đầu vào Nông nghiệp, quá trình sản xuất chế biến tiêu thụ các hàng hóa nông sản và các sản phẩm liên quan. Được cung cấp kiến thức về các nguyên lý cơ bản của kinh doanh; môi trường kinh doanh và đặc thù của kinh doanh nông nghiệp; mối liên hệ giữa các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp; ứng dụng các nguyên lý kinh tế và quản trị kinh doanh vào các hoạt động thực tiễn trong kinh doanh nông nghiệp; thể hiện được hiểu biết về công nghệ trong sản xuất nông nghiệp và hoạt động chế biến nông sản.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ

Giáo dục và Đào tạo.

- **Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:** Cử nhân ngành kinh doanh nông nghiệp có khả năng làm việc tại các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức tài chính - ngân hàng, quỹ đầu tư... với chức danh như chuyên viên kinh doanh, chuyên viên nghiên cứu, phân tích và đánh giá thị trường và chuỗi giá trị nông sản, chuyên viên phát triển thị trường nông sản, nhà quản trị kinh doanh nông nghiệp v.v. . Các cơ quan nghiên cứu khoa học và các đơn vị đào tạo có liên quan đến nông nghiệp. Tự khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp (Start up).

Cử nhân ngành kinh doanh nông nghiệp sau khi tích lũy kinh nghiệm có khả năng trở thành giám đốc kinh doanh, trưởng các bộ phận chức năng kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, phụ trách trung tâm kinh doanh và xúc tiến sản phẩm nông sản tại cơ quan quản lý nhà nước v.v.

Cử nhân ngành kinh doanh nông nghiệp nếu tiếp tục con đường học thuật, nghiên cứu và được đào tạo ở trình độ sau đại học: có khả năng học tập nâng cao trình độ và nghiên cứu khoa học độc lập bậc sau đại học về chuyên ngành: KDNN; Quản trị kinh doanh; Kinh tế nông nghiệp; Quản trị ngân hàng; Quản trị tài chính; Chính sách công...có thể trở thành giảng viên về kinh doanh nông nghiệp, cán bộ nghiên cứu của cơ sở đào tạo về kinh tế và quản trị kinh doanh.

- **Trình độ ngoại ngữ và tin học:** Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

## **2. CHUẨN ĐẦU RA**

### **2.1. Kiến thức:**

- *Nhóm kiến thức về cơ sở lý luận chính trị, khoa học xã hội- tự nhiên và an ninh, quốc phòng:* Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, CNXH khoa học, tư tưởng HCM và Lịch sử Đảng CSVN, hiểu biết về pháp luật Việt Nam vào phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội trong thực tiễn. Vận dụng các kiến thức toán kinh tế, xác suất thống kê, tin học, các nguyên lý cơ bản của kinh tế thị trường, tài chính tiền tệ và quản lý vào giải thích và phân tích các vấn đề về kinh tế cơ bản của nền kinh tế. Có kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về thể chất.

- *Nhóm kiến thức về cơ sở lĩnh vực và ngành:* Vận dụng được kiến thức về nguyên lý kế toán, thống kê, marketing, pháp luật và công nghệ trong phân tích các hoạt động kinh doanh nông nghiệp. Hiểu một cách hệ thống đồng bộ các lý thuyết quản trị kinh doanh trong nông nghiệp, vận dụng và thực hiện được các phân tích từ cơ bản cho đến chuyên sâu về các vấn đề trong hoạt động kinh doanh nông nghiệp. Phân tích được mối quan hệ của các điều kiện nguồn lực tài nguyên thiên nhiên, bối cảnh môi trường kinh tế - xã hội, dân số - lao động, kinh tế quốc tế và hành vi của các tác nhân trong nền kinh

tế có ảnh hưởng đến các hoạt động kinh doanh nông nghiệp.

- *Nhóm kiến thức chuyên sâu ngành:* Vận dụng các lý thuyết và mô hình kinh doanh được trang bị vào việc phân tích, đánh giá và giải thích các vấn đề thực tiễn về hoạt động kinh doanh nông nghiệp. Vận dụng các kiến thức về xây dựng khung phân tích, đánh giá và ra quyết định trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức/ doanh nghiệp nông nghiệp trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

## **2.2. Kỹ năng:**

- *Nhóm kỹ năng thực hành nghề nghiệp:* Có khả năng sử dụng công cụ cơ bản trong phân tích kinh tế và kinh doanh, sử dụng được các phần mềm hiện đại chuyên dùng trong phân tích kinh tế và kinh doanh ... hỗ trợ cho công việc phân tích kinh tế và kinh doanh. Có kỹ năng thực hiện nghiên cứu, kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát để giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh nông nghiệp.

- *Kỹ năng cá nhân:* Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn. Kỹ năng sử dụng tin học, ngoại ngữ giao tiếp và chuyên ngành thành thạo để giải quyết các công việc chuyên môn (chứng chỉ tin học quốc tế IC3, chứng chỉ quốc tế tương đương IELTS 5.5).

## **2.3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:**

Cử nhân ngành Kinh doanh nông nghiệp có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và luôn có tinh thần hợp tác và trách nhiệm với công việc. Có năng lực dẫn dắt và ảnh hưởng về chuyên môn trong các hoạt động kinh doanh nông nghiệp; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau và có khả năng đưa ra các kết luận về các vấn đề trong lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp chuyên sâu của mình. Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

## **2.4. Về ngoại ngữ và tin học**

- Chuẩn đầu ra ngoại ngữ (chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 và tương đương) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

- Chuẩn đầu ra tin học (chứng chỉ tin học quốc tế MOS/IC3/ ICDL) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

## **3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 128 tín chỉ**

**4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

**5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:** Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

**6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:** Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

## 7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

### 7.1. Cấu trúc cơ bản

**Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT**

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>44</b>	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần bắt buộc của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần bắt buộc của lĩnh vực
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>84</b>	
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>15</b>	05 học phần bắt buộc của nhóm ngành
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>	<b>41</b>	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	26	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
<b>2.3. Kiến thức chuyên sâu</b>	<b>18</b>	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
<b>2.4. Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>10</b>	
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>128</b>	Không kể GDQP&AN và GDTC

### 7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi học kỳ 12-18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

**Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy**

<b>TT</b>	<b>Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh doanh nông nghiệp)</b>		<b>Mã HP</b>	<b>Số TC</b>	<b>Học kỳ (dự kiến)</b>	<b>Mã HP tiên quyết</b>
	<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>44</b>		
	<i>1.1. Các học phần chung</i>			<b>20</b>		
<b>1</b>	1	Triết học Mác – Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
<b>2</b>	2	Kinh tế chính trị Mác – Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	
<b>3</b>	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	II	
<b>4</b>	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III	
<b>5</b>	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	
	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4		
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8-11		
	<i>1.2. Các học phần của Trường</i>			<b>12</b>		
<b>6</b>	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
<b>7</b>	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
<b>8</b>	3	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
<b>9</b>	4	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
	<i>1.3. Các học phần của ngành</i>			<b>12</b>		
<b>10</b>	1	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH1102	3	III	
<b>11</b>	2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Probability and Mathematical Statistics	TOKT1145	3	II	
<b>12</b>	3	Thương mại điện tử căn bản Fundamentals Electronic Commerce	TMQT1132	3	III	
<b>13</b>	4	Kinh tế nông nghiệp 1 Agricultural Economics 1	TNKT1109	3	IV	KHMI1101
	<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>84</b>		

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh doanh nông nghiệp)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>15</b>		
14	1	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	II	
15	2	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics in Economics and Business	TKKD1129	3	III	
16	3	Pháp luật kinh tế Economic Law	LUKD1185	3	IV	
17	4	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3	III	
18	5	Kinh tế quốc tế International Economics	TMKQ1123	3	IV	
	<b>2.2. Kiến thức ngành</b>			<b>41</b>		
	<b>2.2.1 Các học phần bắt buộc</b>			<b>26</b>		
19	1	Kinh doanh nông nghiệp I Business Agricultural I	TNKT1153	3	V	KHMI1101
20	2	Kinh doanh nông nghiệp II Business Agricultural II	TNKT1154	3	VI	
21	3	Quản trị chuỗi cung ứng nông sản Agribusiness Supply Chain Management	TNKT1157	3	V	KHMI1101
22	4	Marketing nông nghiệp Agricultural Marketing	MKMA1158	3	V	KHMI1101
23	5	Công nghệ nông nghiệp I Agricultural Technology I	TNKT1145	3	IV	KHMI1101
24	6	Công nghệ nông nghiệp II Agricultural Technology II	TNKT1146	3	IV	TNKT
25	7	Đạo đức và trách nhiệm trong kinh doanh Nông nghiệp Ethics and Responsibility in Agricultural Business	TNKT1147	3	IV	KHMI1101
26	8	Phân tích chính sách nông nghiệp nông thôn Rural and agricultural policy analysis	TNKT1116	3	V	
27	9	Đề án môn học ngành Kinh doanh nông nghiệp Essay on Agricultural Business	TNKT1149	2	VI	KHMI1101
	<b>2.2.2 Các học phần tự chọn</b> (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)			<b>15</b>		
	1	Phân tích kinh doanh Business Analysis	KTQT1107	3	IV	
	2	Kinh doanh quốc tế International Business	TMKD1128	3		

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh doanh nông nghiệp)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết	
28 29 30 31 32	3	Tài chính doanh nghiệp Corporate Finance	NHTC1120	3			
	4	Marketing công nghệ số Digital Marketing	MKBH1116	3			
	5	Kinh tế tài nguyên Natural Resources Economics	TNTN1145	3	IV		
	6	Kinh tế học biến đổi khí hậu Climate Change Economics	MTKH1103	3			
	7	Quản lý Nhà nước về đất đai 1 Land Administration 1	TNDC1130	3	V		
	8	Kinh doanh Logistics Logistics Business	TMKT1121	3			
	9	Giao dịch và đàm phán kinh doanh Business Communication and Negotiation	TMKT1134	3	V		
	10	Kế hoạch kinh doanh Business Planning	PTKT1109	3			KHMI1101
33 34 35 36 37 38	2.3	<b>Kiến thức chuyên sâu</b> (SV chọn 6 học phần trong tổ hợp)		<b>18</b>			
	1	Thị trường nông sản thế giới International trade on agricultural product	TNKT1128	3	V	KHMI1101	
	2	Thị trường bất động sản Real Estate Market	TNBD1109	3			
	3	Quản trị thương hiệu Brand management	MKTT1114	3	VI		
	4	Du lịch sinh thái Ecotourism	DLLH1130	3			
	5	Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp AgriBusiness Entrepreneurship	TNKT1151	3			
	6	Dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp Agribusiness Investment Project	TNKT1150	3	VII VII	KHMI1101	
	7	Quản trị kinh tế hộ và trang trại Household Economics and Farm Management	TNKT1159	3			KHMI1101
	8	Quản trị chiến lược Strategic Management	QTKD1132	3			KHMI1101
	9	Quy hoạch phát triển nông thôn Rural Development Planning	TNKT1127	3			KHMI1101
	10	Quản trị rủi ro Risk Management	NHTM1114	3			
	11	Tiếng anh ngành Nông nghiệp English for Agricultural	TNKT1160	3		KHMI1101	
	12	Quản trị kinh doanh nông nghiệp Agricultural Business Management	TNKT1158	3	VI	KHMI1101	

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh doanh nông nghiệp)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
39	2.4	<i>Khóa luận tốt nghiệp Graduation Thesis</i>	TNKT1144	10	VIII	

### 8. Hướng dẫn thực hiện

➤ Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

➤ Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.

➤ Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

➤ Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

➤ Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

➤ Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

**TRƯỞNG KHOA**

**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS Ngô Thị Phương Thảo**

**PGS.TS Phạm Hồng Chương**